

Số: 54 /2018/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Quy định về tiêu chí rà soát, đánh giá, phân loại
hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; Thông tư số 83/2015/TT-BTC ngày 28/5/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Hợp tác xã; Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 1901 /SKHĐT-DNĐT ngày 18/7/2018; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 305/BC-STP ngày 12/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí rà soát, đánh giá, phân loại hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 / 01 /2019.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng

các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTr.Tỉnh ủy, TTr.HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Chỉ đạo phát triển KTTT tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tô quốc, các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tin học tỉnh;
- Các Phòng Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, NL₃;

Chung

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Sơn

QUY ĐỊNH

**Về tiêu chí rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã trên
địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 54 /2018/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh).*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích ban hành quy định

1. Rà soát, đánh giá và phân loại đúng thực chất hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi tắt là hợp tác xã) trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hợp tác xã.
2. Giúp các hợp tác xã nhận biết được các yếu kém nội tại của mình để điều chỉnh hoạt động cho phù hợp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; góp phần thúc đẩy phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.
3. Làm căn cứ để xem xét, hỗ trợ các hợp tác xã theo các chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung các tiêu chí, quy trình, phương pháp rà soát, đánh giá và phân loại hoạt động các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Tất cả hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (riêng các Quỹ tín dụng nhân dân được phân loại, đánh giá theo Thông tư số 42/2016/TT-NHNN ngày 20/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).
2. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II
NỘI DUNG TIÊU CHÍ RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ,
PHÂN LOẠI HỢP TÁC XÃ**

Điều 4. Nhóm tiêu chí rà soát các hợp tác xã

Nhóm tiêu chí này nhằm xác định bản chất của hợp tác xã; gồm 06 tiêu chí:

1. Không đảm bảo đủ số thành viên tối thiểu (7 thành viên đối với hợp tác xã và 04 thành viên đối với Liên hiệp hợp tác xã) trong 12 tháng liên tục;
2. Hoạt động mang danh nghĩa hợp tác xã nhưng không có Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;
3. Không hoạt động trong 12 tháng liên tục;
4. Không tổ chức được đại hội thành viên thường niên trong 18 tháng liên tục mà không có lý do;
5. Bị thu hồi-giấy-chứng nhận đăng ký;
6. Phải giải thể bắt buộc theo quyết định của Tòa án.

Điều 5. Nhóm tiêu chí đánh giá công tác quản lý, điều hành của hợp tác xã

Nhóm tiêu chí này nhằm đánh giá công tác quản lý, điều hành của hợp tác xã và việc chấp hành các quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn liên quan trong quá trình hoạt động của hợp tác xã, bao gồm 16 tiêu chí:

1. Không tổ chức Đại hội thành viên thường niên;
2. Không lập sổ đăng ký thành viên sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;
3. Không huy động đủ và đúng thời hạn số vốn đã đăng ký;
4. Không duy trì mức vốn pháp định đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định;
5. Không cấp giấy chứng nhận góp vốn cho thành viên hợp tác xã hoặc hợp tác xã thành viên;
6. Góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã khi chưa được Đại hội thành viên quyết định, thông qua;
7. Sử dụng các nguồn vốn thuộc tài sản không chia của hợp tác xã để góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp;
8. Góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp có tổng mức đầu tư vượt quá 50% vốn Điều lệ của hợp tác xã được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trước thời điểm thực hiện góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp;
9. Không thông báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký sau khi góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã;
10. Một thành viên góp vốn lớn hơn 20% tổng số vốn góp của hợp tác xã; một hợp tác xã thành viên góp vốn lớn hơn 30% tổng số vốn góp của liên hiệp hợp tác xã;
11. Không đăng ký hoặc đăng ký không đúng thời hạn hoặc không thông báo thay đổi các nội dung đăng ký hợp tác xã;

12. Không đăng ký đổi tên hợp tác xã khi đã thay đổi ngành, nghề kinh doanh để cấu thành tên hợp tác xã;

13. Tiếp tục kinh doanh trong thời gian hợp tác xã đã thông báo tạm ngừng hoạt động;

14. Không thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính, phân phối thu nhập và những nội dung khác theo quy định của Điều lệ cho thành viên, hợp tác xã thành viên;

15. Không thực hiện chế độ báo cáo tình hình hoạt động hợp tác xã, báo cáo tài chính theo quy định;

16. Không thực hiện chế độ lưu trữ tài liệu đúng theo quy định.

Điều 6. Nhóm tiêu chí phân loại hiệu quả hoạt động

Nhóm tiêu chí này nhằm phân loại hiệu quả hoạt động của hợp tác xã dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, bao gồm 11 tiêu chí:

1. Doanh thu;

2. Thu nhập và trích lập quỹ từ thu nhập;

3. Lợi ích của các thành viên;

4. Vốn hoạt động;

5. Quy mô thành viên hợp tác xã;

6. Ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử;

7. Hợp tác xã được khen thưởng;

8. Tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới;

9. Triển khai kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cho thành viên và người lao động;

10. Tích cực xây dựng chuỗi giá trị gắn với sản phẩm chủ lực hàng hóa quy mô lớn, đặc biệt là tiêu thụ sản phẩm, khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, phát triển bền vững (tiêu chí này không áp dụng với các hợp tác xã hoạt động lĩnh vực môi trường);

11. Có phương tiện đảm bảo hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải từ điểm phát sinh đến điểm tập kết, khu xử lý (theo địa bàn, nhiệm vụ được giao) và rác thải trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình; đảm bảo trang bị bảo hộ cho người lao động (tiêu chí này chỉ áp dụng đối với các hợp tác xã môi trường).

Chương III QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI HỢP TÁC XÃ

Điều 7. Căn cứ rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã

1. Căn cứ dữ liệu đăng ký hợp tác xã tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.
2. Căn cứ Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã hàng năm.
3. Căn cứ vào kế hoạch hàng năm của hợp tác xã đã được đại hội đồng thường niên thông qua.
4. Căn cứ kết quả kiểm tra, rà soát của UBND cấp huyện đối với các hợp tác xã trên địa bàn.

Điều 8. Quy trình rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã

Quy trình rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã được thực hiện thông qua 02 bước:

Bước 1: Rà soát hợp tác xã theo các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy định này và đánh giá công tác quản lý, điều hành theo các nội dung quy định tại Điều 5 của Quy định này.

Bước 2: Thực hiện phân loại hiệu quả hoạt động của hợp tác xã theo các nội dung quy định tại Điều 6 của Quy định này.

Điều 9. Phương pháp rà soát và đánh giá công tác quản lý, điều hành của hợp tác xã

UBND cấp huyện căn cứ vào dữ liệu đăng ký hợp tác xã, trực tiếp tổ chức kiểm tra, rà soát và đánh giá công tác quản lý, điều hành của các hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn.

1. Đối với các hợp tác xã vi phạm một trong các tiêu chí rà soát quy định tại Điều 4 của Quy định này sẽ không được thừa nhận là hợp tác xã và không tổng hợp vào danh sách các hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn, không thực hiện đánh giá, phân loại hoạt động.

UBND cấp huyện căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã, Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã để xử lý, thu hồi hoặc giải thể bắt buộc đối với các hợp tác xã vi phạm theo đúng quy định.

2. Đối với các hợp tác xã vi phạm tiêu chí về đánh giá công tác quản lý điều hành quy định tại Điều 5 của Quy định này thì UBND cấp huyện căn cứ Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã, Thông tư số 83/2015/TT-BTC ngày 28/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý

tài chính đối với hợp tác xã để xử lý vi phạm, đồng thời hướng dẫn, yêu cầu các hợp tác xã khắc phục.

3. UBND cấp huyện thực hiện rà soát, đánh giá công tác quản lý, điều hành đối với tất cả các hợp tác xã trên địa bàn và xử lý các hợp tác xã vi phạm, hoàn thành trước ngày 30/6/2019.

Tùy vào điều kiện thực tế của địa phương, UBND cấp huyện quyết định số lần tổ chức rà soát, đánh giá công tác quản lý, điều hành nhưng phải đảm bảo tối thiểu 1 lần trong 03 năm.

Điều 10. Phương pháp phân loại hiệu quả hoạt động hợp tác xã

1. Chỉ phân loại đối với các hợp tác xã không vi phạm các nội dung tại Điều 4 Quy định này.

2. Đối với các hợp tác xã vi phạm tiêu chí về đánh giá công tác quản lý, điều hành quy định tại Điều 5 Quy định này nhưng không khắc phục hoặc khắc phục không đảm bảo theo yêu cầu thì xếp vào loại yếu và không xem xét cho hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

3. Đối với các hợp tác xã không vi phạm các nội dung tại Điều 4 Quy định, không vi phạm hoặc đã khắc phục vi phạm các quy định tại Điều 5 của Quy định này thì UBND cấp huyện căn cứ nhóm tiêu chí về phân loại hiệu quả hoạt động quy định tại Điều 6 của Quy định này để phân loại hợp tác xã theo các bước sau:

Bước 1. Hàng năm, UBND cấp huyện gửi Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của hợp tác xã trên địa bàn tỉnh theo Phụ lục I và Bảng tự chấm điểm của hợp tác xã theo Phụ lục II, đề nghị các hợp tác xã thuộc đối tượng phân loại thực hiện tự phân loại.

Các hợp tác xã căn cứ các tiêu chí và thang điểm quy định tại Phụ lục I để tự chấm điểm và phân loại hiệu quả hoạt động, sau đó tổng hợp kết quả vào Bảng tự chấm điểm của hợp tác xã theo Phụ lục II, gửi Phòng Tài chính Kế hoạch - UBND cấp huyện nơi hợp tác xã đóng trụ sở chính trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.

Đối với các hợp tác xã không thực hiện việc đánh giá theo yêu cầu của UBND cấp huyện sẽ bị xếp vào nhóm hợp tác xã hoạt động yếu và không xem xét cho hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Bước 2. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá của hợp tác xã, UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra, phân loại hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn theo 4 mức như sau:-

- Hợp tác xã hoạt động tốt: Tổng số điểm đạt từ 80 điểm đến 100 điểm;
- Hợp tác xã hoạt động khá: Tổng số điểm đạt từ 65 điểm đến dưới 80 điểm;
- Hợp tác xã hoạt động trung bình: Tổng số điểm đạt từ 50 đến dưới 65 điểm;

- Hợp tác xã hoạt động yếu: Tổng số điểm đạt dưới 50 điểm.

Riêng hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực môi trường: Do tính chất đặc thù, hoạt động chủ yếu mang tính công ích nên việc phân loại hợp tác xã môi trường theo mức điểm như sau:

- Hợp tác xã hoạt động tốt: Tổng số điểm đạt từ 70 điểm trở lên;

- Hợp tác xã hoạt động khá: Tổng số điểm đạt từ 60 điểm đến dưới 70 điểm;

- Hợp tác xã hoạt động trung bình: Tổng số điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 60 điểm;

- Hợp tác xã hoạt động yếu: Tổng số điểm đạt dưới 50 điểm.

4. UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức kiểm tra, phân loại hợp tác xã 01 năm 01 lần.

Điều 11. Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã

1. UBND cấp huyện tổ chức rà soát, đánh giá và phân loại hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn, gửi kết quả về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 01 tháng 3 hàng năm.

2. Trên cơ sở báo cáo của UBND các huyện, thành phố, thị xã, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá và phân loại các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh gửi các sở, ngành có liên quan và Liên minh Hợp tác xã tỉnh trước ngày 10 tháng 3 hàng năm.

3. Các sở, ngành có liên quan và Liên minh Hợp tác xã tỉnh có ý kiến bằng văn bản về kết quả rà soát, đánh giá và phân loại đối với các hợp tác xã thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

4. Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã trên địa bàn tỉnh trước ngày 30 tháng 3 hàng năm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện rà soát, đánh giá và phân loại các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện rà soát, đánh giá và phân loại các hợp tác xã trên địa bàn.

3. Hàng năm, trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá và phân loại các hợp tác xã của UBND các huyện, thành phố, thị xã và ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

4. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp nếu trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh các khó khăn, vướng mắc hoặc bất cập về rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã.

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện tổ chức triển khai và hướng dẫn các hợp tác xã thuộc lĩnh vực, ngành mình phụ trách thực hiện rà soát, đánh giá và phân loại theo đúng quy định.

2. Thực hiện thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả rà soát, đánh giá và phân loại các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh theo đúng thời gian quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Tổ chức tuyên truyền đến các hợp tác xã về mục đích, ý nghĩa của việc rà soát, đánh giá và phân loại các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện; có ý kiến bằng văn bản về kết quả rà soát, đánh giá và phân loại các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh theo đúng thời gian quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố, thị xã

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai rà soát, đánh giá và phân loại các hợp tác xã trên địa bàn và báo cáo kết quả thực hiện theo đúng quy định.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các hợp tác xã thực hiện rà soát, đánh giá và phân loại theo đúng quy định.

3. Tuyên truyền, giải thích, vận động tự giải thể, giải thể bắt buộc hoặc có biện pháp khác để chấm dứt hoạt động, thu hồi đối với những hợp tác xã hoạt động không đúng theo Luật Hợp tác xã năm 2012, yếu kém, cầm chừng, không hiệu quả, chỉ muốn duy trì sự tồn tại hình thức để nhận hỗ trợ từ nhà nước (giải quyết dứt điểm trước 30/6/2019).

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc bất cập thì phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND các xã, phường, thị trấn

1. Phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với các hợp tác xã trên địa bàn.

2. Phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện tổ chức tuyên truyền về việc rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã tại địa bàn.

3. Phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức triển khai rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã tại địa phương; có ý kiến về hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn khi được yêu cầu.

Điều 17. Trách nhiệm của các hợp tác xã

1. Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã hàng năm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Phối hợp tốt với UBND cấp huyện trong việc rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã; thực hiện tự chấm điểm và phân loại hoạt động theo đúng quy định nêu trên; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu, số liệu báo cáo, cung cấp trong quá trình rà soát, đánh giá và phân loại hợp tác xã./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Sơn

Phụ lục I: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54../2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Số TT	Tên tiêu chí	Chi tiết nội dung đánh giá		
		Chi tiêu đánh giá	Thang điểm tối đa	Cách tính điểm
	Doanh thu	Tỷ lệ doanh thu thực hiện/doanh thu kế hoạch	8	Dưới 100%: 0 điểm Từ 100% đến dưới 120%: 4 điểm Từ 120% trở lên: 8 điểm
		Tổng doanh thu năm của hợp tác xã	10	Dưới 1 tỷ đồng/năm: 4 điểm Từ 1 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng/năm: 6 điểm Từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/năm: 8 điểm Từ 10 tỷ đồng/năm trở lên: 10 điểm
	Thu nhập và trích lập quỹ từ thu nhập của HTX	Thu nhập sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính bình quân đầu thành viên hợp tác xã (Thu nhập năm sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính /thành viên)	10	Không có lợi nhuận sau thuế: 0 điểm Có lợi nhuận, bình quân dưới 1 triệu đồng/người: 2 điểm Có lợi nhuận, bình quân 1 đến dưới 5 triệu đồng/người: 4 điểm Có lợi nhuận, bình quân 5 đến dưới 10 triệu đồng/người: 7 điểm Có lợi nhuận, bình quân 10 triệu đồng/người trở lên: 10 điểm
		Trích quỹ đầu tư phát triển không thấp hơn 20% trên thu nhập	5	Không trích lập hoặc trích lập thấp hơn 20% trên thu nhập: 0 điểm Trích quỹ phát triển không thấp hơn 20% trên thu nhập: 5 điểm
		Trích quỹ dự phòng tài chính không thấp hơn 5% trên thu nhập	5	Không trích lập hoặc trích lập quỹ thấp hơn 5% trên thu nhập: 0 điểm Trích lập quỹ không thấp hơn 5% trên thu nhập: 5 điểm
3	Lợi ích của các thành viên hợp tác xã	Ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên so với khách hàng không là thành viên	5	Không ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên: 0 điểm Có ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên (hoặc hợp tác xã chỉ cung ứng dịch vụ cho thành viên): 5 điểm
		Ưu tiên phân phối thu nhập cho thành viên theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã (hoặc công sức lao động đóng góp của thành viên đối với HTX tạo việc làm)	5	Thu nhập còn lại sau khi đã trích lập các quỹ không phân phối hoặc phân phối cho thành viên dưới 50% theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ (hoặc công sức lao động đóng góp của thành viên): 0 điểm Thu nhập còn lại sau khi đã trích lập các quỹ phân phối cho thành viên từ 50% trở lên theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ (hoặc công sức lao động đóng góp của thành viên): 5 điểm

Số TT	Tên tiêu chí	Chi tiết nội dung đánh giá		
		Chỉ tiêu đánh giá	Thang điểm tối đa	Cách tính điểm
4	Vốn hoạt động của hợp tác xã	Tỷ lệ tăng vốn góp và huy động từ thành viên hợp tác xã (%) = (vốn góp và huy động từ TV năm nay - vốn góp và huy động từ TV năm trước) / vốn góp và huy động từ TV năm trước (trường hợp năm trước không có, năm nay có góp và huy động thì tính tỷ lệ là 100%)	7	Giảm vốn chủ sở hữu hoặc không tăng: 0 điểm
		Dưới 20%: 3 điểm		
				Từ 20% đến 50%: 5 điểm
				Từ 50% trở lên: 7 điểm
		Vốn hoạt động của hợp tác xã (bao gồm toàn bộ vốn góp của thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của nhà nước, của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác)	10	Dưới 500 triệu đồng: 1 điểm
				Từ 500 triệu đến dưới 1 tỷ đồng: 5 điểm
				Từ 1 tỷ đến dưới 10 tỷ đồng: 7 điểm
				Từ 10 tỷ đồng trở lên: 10 điểm
5	Quy mô thành viên hợp tác xã	Quy mô thành viên hợp tác xã	8	Hợp tác xã nông nghiệp có dưới 30 thành viên hoặc HTX khác dưới 10 thành viên: 2 điểm
				Hợp tác xã nông nghiệp có từ 30 thành viên đến dưới 100 thành viên hoặc HTX khác từ 10 đến dưới 30 thành viên: 4 điểm
				Hợp tác xã nông nghiệp có từ 100 thành viên đến dưới 500 thành viên hoặc HTX khác từ 30 đến dưới 100 thành viên: 6 điểm
				Hợp tác xã nông nghiệp có trên 500 thành viên hoặc HTX khác trên 100 thành viên: 8 điểm
6	Ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử	Ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử	4	Hợp tác xã chưa ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành, thương mại điện tử: 0 điểm
				Hợp tác xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành (sử dụng phần mềm kế toán, sử dụng phần mềm quản lý khác, sử dụng email điện tử để giao dịch, sử dụng chữ ký số...) nhưng chưa ứng dụng thương mại điện tử: 2 điểm

Số TT	Tên tiêu chí	Chi tiết nội dung đánh giá		
		Chỉ tiêu đánh giá	Thang điểm tối đa	Cách tính điểm
				Hợp tác xã sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành (sử dụng phần mềm kế toán, sử dụng phần mềm quản lý khác, sử dụng email điện tử để giao dịch, sử dụng chữ ký số...) và có ứng dụng thương mại điện tử (có Website bán hàng, page bán hàng, tham gia chợ bán hàng trên chợ điện tử, sử dụng các trang mạng xã hội để quảng cáo bán hàng,...); 4 điểm
7	Hợp tác xã được khen thưởng	Hợp tác xã được khen thưởng trong vòng 02 năm	5	Hợp tác xã không được khen thưởng: 0 điểm
				Hợp tác xã được cấp huyện khen thưởng: 3 điểm
				Hợp tác xã được cấp tỉnh khen thưởng trở lên: 5 điểm
8	Tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới	Tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới	6	Hợp tác xã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, đạt thành tích cao trong phong trào đời sống văn hóa khu dân cư, xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Mức đóng góp xây dựng cộng đồng được quy ra tiền từ 10 triệu đồng đến dưới 20 triệu đồng trong năm báo cáo: 2 điểm
				Hợp tác xã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, đạt thành tích cao trong phong trào đời sống văn hóa khu dân cư, xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Mức đóng góp xây dựng cộng đồng được quy ra tiền từ 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng trong năm báo cáo: 4 điểm
				Hợp tác xã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, đạt thành tích cao trong phong trào đời sống văn hóa khu dân cư, xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Mức đóng góp xây dựng cộng đồng được quy ra tiền trên 50 triệu đồng trong năm báo cáo: 6 điểm
9	Triển khai kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cho thành viên và người lao động hàng năm	Triển khai kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cho thành viên và người lao động hàng năm	6	Hợp tác xã thực hiện triển khai bồi dưỡng, đào tạo cho các thành viên và người lao động dưới 5% kế hoạch đề ra nhưng tối thiểu phải bằng so với cùng kỳ năm trước: 2 điểm
				Hợp tác xã thực hiện triển khai bồi dưỡng, đào tạo cho các thành viên và người lao động trên 5% đến 10% kế hoạch đề ra: 4 điểm
				Hợp tác xã thực hiện triển khai bồi dưỡng, đào tạo cho các thành viên và người lao động vượt trên 10% kế hoạch đề ra: 6 điểm

Chi tiết nội dung đánh giá

Số TT	Tên tiêu chí	Chi tiết nội dung đánh giá		
		Chỉ tiêu đánh giá	Thang điểm tối đa	Cách tính điểm
10	Tích cực xây dựng chuỗi giá trị gắn với sản phẩm chủ lực hàng hóa quy mô lớn, đặc biệt là tiêu thụ sản phẩm, khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, phát triển bền vững (tiêu chí chỉ này không áp dụng với HTX môi trường)	Tích cực xây dựng chuỗi giá trị gắn với sản phẩm chủ lực hàng hóa quy mô lớn, đặc biệt là tiêu thụ sản phẩm, khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, phát triển bền vững	6	Hợp tác xã thực hiện cung ứng và tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa chủ lực cho các thành viên vượt dưới 5% kế hoạch đề ra nhưng tối thiểu phải bằng so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời tham gia ngày càng tăng vào chuỗi giá trị: 2 điểm
				Hợp tác xã thực hiện cung ứng và tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa chủ lực cho các thành viên vượt trên 5% đến 10% kế hoạch đề ra. Đồng thời tham gia ngày càng tăng vào chuỗi giá trị: 4 điểm
				Hợp tác xã thực hiện cung ứng và tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa chủ lực cho các thành viên vượt trên 10% kế hoạch đề ra. Đồng thời tham gia ngày càng tăng vào chuỗi giá trị: 6 điểm
11	Có phương tiện đảm bảo hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải từ điểm phát sinh đến điểm tập kết, khu xử lý (theo địa bàn, nhiệm vụ được giao) và rác thải trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình; đảm bảo trang bị bảo hộ cho người lao động (tiêu chí này chỉ áp	Có phương tiện đảm bảo hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải từ điểm phát sinh đến điểm tập kết, khu xử lý (theo địa bàn, nhiệm vụ được giao) và rác thải trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình; đảm bảo trang bị bảo hộ cho người lao động	6	Không có phương tiện đảm bảo hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải từ điểm phát sinh đến điểm tập kết, khu xử lý (theo địa bàn, nhiệm vụ được giao) và rác thải trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, xử lý chưa theo đúng quy trình; chưa đảm bảo trang bị bảo hộ cho người lao động: 0 điểm
				Có phương tiện đảm bảo hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải từ điểm phát sinh đến điểm tập kết, khu xử lý (theo địa bàn, nhiệm vụ được giao) và rác thải trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình; có nhưng chưa đảm bảo đầy đủ trang bị bảo hộ cho người lao động; Hoặc có nhưng chưa đảm bảo đủ phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải từ điểm phát sinh đến điểm tập kết, khu xử lý (theo địa bàn, nhiệm vụ được giao) và rác thải trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình; có nhưng chưa đảm bảo đầy đủ trang bị bảo hộ cho người lao động: 3 điểm

Số TT	Tên tiêu chí	Chi tiết nội dung đánh giá		
		Chỉ tiêu đánh giá	Thang điểm tối đa	Cách tính điểm
	dụng đối với các HTX môi trường)			Có phương tiện đảm bảo hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải từ điểm phát sinh đến điểm tập kết, khu xử lý (theo địa bàn, nhiệm vụ được giao) và rác thải trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình; đảm bảo trang bị bảo hộ cho người lao động: 6 điểm
Tổng			100	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

[Handwritten signature]

Phụ lục II: BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54../2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Tên hợp tác xã:.....

Địa chỉ:.....

Phân loại theo lĩnh vực hoạt động: Hợp tác xã

Kết quả tự đánh giá của HTX: Hợp tác xã tự nhận đạt loại

Số TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Thang điểm tối đa	Điểm HTX tự chấm	Diễn giải
1	Doanh thu	Tỷ lệ doanh thu thực hiện/doanh thu kế	8		
		Tổng doanh thu năm của hợp tác xã	10		
2	Thu nhập và trích lập quỹ từ thu nhập	Thu nhập sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính bình quân đầu thành viên hợp tác xã (Thu nhập năm sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính /thành viên)	10		
		Trích quỹ đầu tư phát triển không thấp hơn 20% trên thu nhập	5		
		Trích quỹ dự phòng tài chính không thấp hơn 5% trên thu nhập	5		
3	Lợi ích của các thành viên hợp tác xã	Ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên so với khách hàng không là thành viên	5		
		Ưu tiên phân phối thu nhập cho thành viên theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã (hoặc công sức lao động đóng góp của thành viên đối với HTX tạo việc làm)	5		
4	Vốn hoạt động của hợp tác xã	Tỷ lệ tăng vốn góp và huy động từ thành viên hợp tác xã (%) = (vốn góp và huy động từ TV năm nay – vốn góp và huy động từ TV năm trước)/ vốn góp và huy động từ TV năm trước (trường hợp năm trước không có, năm nay có góp và huy động thì tính từ là là 100%)	7		
		Vốn hoạt động của hợp tác xã (bao gồm toàn bộ vốn góp của thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của nhà nước, của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác)	10		
5	Quy mô thành viên hợp tác xã	Quy mô thành viên hợp tác xã	8		

Số TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Thang điểm tối đa	Điểm HTX tự chấm	Diễn giải
6	Ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử	Ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử	4		
7	Hợp tác xã được khen thưởng	Hợp tác xã được khen thưởng trong vòng 02 năm	5		
8	Tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới	Tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới	6		
9	Triển khai kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cho thành viên và người lao động hàng năm	Triển khai kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cho thành viên và người lao động hàng năm	6		
10	Tích cực xây dựng chuỗi giá trị gắn với sản phẩm chủ lực hàng hóa quy mô lớn, đặc biệt là tiêu thụ sản phẩm, khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, phát triển bền vững (tiêu chí chỉ này không áp dụng với HTX môi trường)	Tích cực xây dựng chuỗi giá trị gắn với sản phẩm chủ lực hàng hóa quy mô lớn, đặc biệt là tiêu thụ sản phẩm, khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, phát triển bền vững	6		
11	Có phương tiện đảm bảo hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải từ điểm phát sinh đến điểm tập kết, khu xử lý (theo địa bàn, nhiệm vụ được giao) và rác thải trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình; đảm bảo trang bị bảo hộ cho người lao động (tiêu chí này chỉ áp dụng đối với các HTX môi trường)	Có phương tiện đảm bảo hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải từ điểm phát sinh đến điểm tập kết, khu xử lý (theo địa bàn, nhiệm vụ được giao) và rác thải trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình; đảm bảo trang bị bảo hộ cho người lao động	6		
Tổng			100		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Chữ ký)